

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22A/2022/HN&GD-ST

Ngày: 20 - 7 - 2022

V/v: TrA2 chấp ly hôn.

NHÂN DA2

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN DÂN NHÂN THỊ XÃ LONG MỸ TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lãm.

- Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Út.

Ông Âu Cần Đông.

Th ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Th ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST - HN&GD ngày 08/4/2022 vụ án " TrA2 chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ cư trú: Khu vực 4, phường A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: A2 Nguyễn Văn N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ cư trú: Khu vực 4, phường A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Thu H trình bày: Vào năm 2013 chị và A2 Nguyễn Văn N kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2013 tại Ủy ban nhân thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ (cũ), tỉnh Hậu Giang nay là Ủy ban nhân dân phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do chị và A2 N tự nguyện. Chị và A2 N chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng sau đó đã hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Chị và A2 N chung sống đến tháng 01/2022 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do A2 N Thờng xuyên uống rượu, có lời lẽ xúc phạm chị, đánh chị 03 lần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị và A2 N đã ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu được ly hôn với A2 N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A2 (N), sinh ngày 25/10/2010 và Nguyễn Thị A2 Th (nữ), sinh ngày 21/3/2018, cháu Tuấn A2 hiện do A2 N nuôi dưỡng còn cháu A2 Th do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A2 Th, chị đồng ý giao cháu Tuấn A2 cho A2 N tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn A2 Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ trA2 chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với chị H: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với A2 N chưa hiện đúng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kiểm sát viên đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thu

H. Cho chị Phan Thị Thu H được ly hôn với A2 Nguyễn Văn N.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tuấn A2 (N), sinh ngày 25/10/2010 cho A2 N nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị A2 Th (nữ), sinh ngày 21/3/2018 cho chị H nuôi dưỡng, chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho A2 N, chị H không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả traA2 tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn A2 Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt A2 N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu H và A2 Nguyễn Văn N kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2013 tại Ủy ban nhân thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ (cũ), tỉnh Hậu Giang nay là Ủy ban nhân dân phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và A2 N là hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Chị H và A2 N chung sống hạnh phúc từ tháng 6/2013 đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng sau đó đã hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Chị và A2 N chung sống đến tháng 01/2022 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tại phiên tòa chị H trình bày là do A2 N Thông xuyên uống rượu, có lời lẽ xúc phạm chị, đánh chị 03 lần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị và A2 N đã ly thân từ tháng 01/2022. Từ khi ly thân đến nay A2 N có đến thăm con nhưng không có thiện chí hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Tòa án đã

tiến hành hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng giữa chị H và A2 N nhưng A2 N vắng mặt, tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết ly hôn với A2 N. Điều đó cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị H và A2 N không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị H và A2 N có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A2 (N), sinh ngày 25/10/2010 và Nguyễn Thị A2 Th (nữ), sinh ngày 21/3/2018, cháu Tuấn A2 hiện do A2 N nuôi dưỡng còn cháu A2 Th do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A2 Th, chị đồng ý giao cháu Tuấn A2 cho A2 N tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Nguyễn Tuấn A2 đã trên 7 tuổi, tại văn bản ngày 30/5/2022 cháu Nguyễn Tuấn A2 có nguyện vọng được sống với A2 N khi chị H và A2 N ly hôn, đối với cháu Nguyễn Thị A2 Th, sinh ngày 21/3/2018 chưa đủ 07 tuổi và chị H đang nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tuấn A2 cho A2 N nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị A2 Th cho chị H nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đương sự còn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, 28, 35, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thu H. Cho chị Phan Thị Thu H được ly hôn với A2 Nguyễn Văn N.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tuấn A2 (N), sinh ngày

25/10/2010 cho A2 Nguyễn Văn N nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị A2 Th (nữ), sinh ngày 21/3/2018 cho chị Phan Thị Thu H nuôi dưỡng, A2 Nguyễn Văn N, chị Phan Thị Thu H chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho A2 N, chị H không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), chuyển 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004196 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí. Chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Phan Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20/7/2022. Bị đơn A2 Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- UBND phường Thuận An;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trần Văn Lắm**